

NHẬN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA NGƯỜI DÂN VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TÂY NGUYÊN - NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH ĐẮK NÔNG

PHAN ĐỨC NAM¹

¹ Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Tóm tắt:

Phát triển bền vững trong kinh tế, xã hội, môi trường vùng dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi là xu thế chung, yêu cầu cấp thiết của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Sau hơn 3 thập niên Đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng DTTS ở Tây Nguyên đã được nâng cao, song thực tế cũng cho thấy phát triển kinh tế đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống nông thôn. Dựa trên các phương pháp: Thu thập tài liệu; khảo sát xã hội học; quan sát tham dự; xử lý số liệu, nghiên cứu tập trung tìm hiểu nhận thức, thái độ và hành vi của người DTTS về BVMT. Từ những phương pháp trên, kết quả nghiên cứu cho thấy, nhận thức, thái độ và hành vi của người DTTS về BVMT khá tốt, thể hiện ở mức độ quan tâm đối với thực trạng ô nhiễm môi trường và các hành vi tham gia BVMT. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận người DTTS thờ ơ với việc BVMT hay có các hành vi gây hại đến môi trường. Việc phê phán hay tố cáo các hành vi gây ô nhiễm môi trường còn rất hạn chế, các hành vi BVMT chưa trở thành dư luận tích cực với người dân. Trên cơ sở kết quả khảo sát, nghiên cứu gợi ý một số giải pháp nâng cao chất lượng môi trường ở khu vực nông thôn vùng DTTS tỉnh Đắk Nông.

Từ khóa: BVMT, dân tộc thiểu số, nông thôn, Đắk Nông, Tây Nguyên.

Ngày nhận bài: 3/8/2024; Ngày sửa chữa: 9/9/2024;

Ngày duyệt đăng: 25/9/2024.

1. Đặt vấn đề

BVMT là nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước, là cơ sở quan trọng để phát triển bền vững và thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo Luật BVMT năm 2020, BVMT được hiểu là những hoạt động giữ

AWARENESS, ATTITUDE AND BEHAVIOR OF ENVIRONMENTAL PROTECTION OF ETHNIC MINORITIES IN THE CENTRAL HIGHLANDS – A CASE STUDY OF DAK NONG PROVINCE

Abstract:

Sustainable development in the economy, society and environment of ethnic minority and mountainous areas is a general trend and an urgent requirement of our country in the current period. After more than three decades of Doi Moi, the material and spiritual life of ethnic minorities in the Central Highlands has been improved, but economic development has seriously affected the rural living environment. Based on research methods: Document collection; sociological survey; participant observation; data processing, the article explores ethnic minorities' awareness and behavior of environmental protection today. The results show that, ethnic minorities' awareness, attitudes and behavior of environmental protection are good, expressed through their concern for environmental pollution and their actions to protect the environment. However, there are still some ethnic minorities who do not care about environmental protection or have behaviors that are harmful to the environment. Lack of reporting about the actions that harm the environment, environmental protection have not yet become public opinion of ethnic minorities. Based on the survey results, the article suggests some solutions to improve quality of environment of ethnic minorities in Dak Nong province.

Keywords: environmental protection, ethnic minority, rural areas, Dak Nong province, Central Highlands.

JEL Classifications: P18, Q53, Q56.

gìn, phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phát triển bền vững trong kinh tế, xã hội, môi trường vùng DTTS và miền núi là xu thế chung, yêu

cầu cấp thiết của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Sau hơn 3 thập niên Đổi mới, nhờ kết quả của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, kinh tế tăng trưởng, đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng DTTS Tây Nguyên được nâng cao, song thực tế cũng cho thấy phát triển kinh tế đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống (phá hủy hệ sinh thái, một số diện tích đất nương rẫy bị ô nhiễm...), tác động trực tiếp đến sức khỏe mỗi người dân. Điều này đặt ra vấn đề đối với quá trình phát triển bền vững BVMT vùng DTTS Tây Nguyên là cần thúc đẩy đồng bào DTTS tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ và cải thiện môi trường.

BVMT nói chung và ở khu vực nông thôn vùng DTTS nói riêng là một trong những mục tiêu đặt ra trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Nông, là tiêu chí của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Tuy nhiên, sau hơn 10 năm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, môi trường là một trong những tiêu chí có tỷ lệ xã đạt chuẩn thấp và thiếu tính bền vững nhất. Tính đến năm 2023, có 31,7% xã trên địa bàn tỉnh chưa đạt tiêu chí số 17 về môi trường, công tác BVMT nông thôn có nhiều khó khăn, rào cản (UBND tỉnh Đắk Nông, 2023). Theo Báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Đắk Nông năm 2023, ngày càng nhiều nguồn chất thải phát sinh gây ô nhiễm môi trường ở khu vực nông thôn, tác động tiêu cực đến hệ sinh thái, môi trường sống và sức khỏe con người.

Tại Việt Nam, một số nghiên cứu đã đề cập đến việc tìm hiểu nhận thức, thái độ và hành vi của người dân trong BVMT, tuy nhiên chưa có nghiên cứu đề cập và phân tích đầy đủ dưới góc độ xã hội học các khía cạnh như sự quan tâm, quan niệm, thái độ và hành vi của các nhóm xã hội trong BVMT ở nông thôn vùng DTTS tỉnh Đắk Nông. Việc người dân nhận thức, điều chỉnh nhận thức, thái độ trách nhiệm và hành vi của mình đối với môi trường rất quan trọng. Để có giải pháp thúc đẩy người dân vùng DTTS tỉnh Đắk Nông tham gia bảo vệ và cải thiện môi trường, việc tìm hiểu thực trạng nhận thức, thái độ và hành vi của người DTTS quan tâm đến vấn đề BVMT là cần thiết. Dựa trên kết quả khảo sát xã hội học 730 hộ gia đình DTTS tại tỉnh Đắk Nông từ tháng 3-4/2024, với góc độ tiếp cận xã hội học, nghiên cứu đã tập trung tìm hiểu nhận thức, thái

độ và hành vi của người DTTS về BVMT, từ đó gợi ý một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng môi trường ở nông thôn vùng DTTS tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thuộc 3 huyện (Đắk Glong, Đắk Song và Đắk Mil) của tỉnh Đắk Nông, bao gồm nhóm DTTS di cư (Tày, Nùng, H'Mông) và nhóm DTTS tại chỗ (M;Nông, Mạ, Ê đê). Đây là 6 DTTS chủ yếu đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp thu thập tài liệu:* Thu thập các văn bản, chủ trương của tỉnh Đắk Nông về môi trường, các nghiên cứu ở trong nước và quốc tế về môi trường.

- *Phương pháp khảo sát xã hội học:* Phỏng vấn bảng hỏi 730 hộ DTTS theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống tại địa bàn 6 xã (trong đó: 3 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới là xã Quảng Khê, Nam Jang và Đắk R'La; 3 xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới là xã Đắk Som, Trường Xuân và Long Sơn) có tỷ lệ trên 15% đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thuộc 3 huyện (Đắk Glong, Đắk Song và Đắk Mil) của tỉnh Đắk Nông.

- *Phương pháp quan sát tham dự:* Nhóm nghiên cứu tham gia vào một số hoạt động vệ sinh đường làng, ngõ, xóm... của các hộ DTTS, ghi chép những thông tin có liên quan đến đối tượng nghiên cứu và mục đích nghiên cứu, từ đó giúp lý giải những nguyên nhân, động cơ của hành vi tham gia vệ sinh đường làng, ngõ, xóm... của người DTTS mà nhóm nghiên cứu được quan sát.

- *Phương pháp xử lý số liệu:* Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 21.0.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Nhận thức và thái độ của người DTTS về BVMT

3.1.1. Quan niệm về ý nghĩa của BVMT trong đời sống

Số liệu bảng 1 cho thấy, người DTTS hiện nay coi trọng giá trị của BVMT trong đời sống. Ý nghĩa mang lại của BVMT đối với hộ gia đình và địa phương được thể hiện ở nhiều khía cạnh theo quan niệm của người DTTS, trong đó "Làm cho môi trường, cảnh quan sạch đẹp, trong lành hơn" là giá trị có tỷ lệ cao nhất DTTS đồng

Bảng 1. Quan niệm của người DTTS về ý nghĩa của BVMT trong đời sống

Ý nghĩa của BVMT	Tỷ lệ (%)		
	Đồng ý	Không đồng ý	Tổng
Ảnh hưởng tốt đến sức khỏe cộng đồng	73,6	26,4	100,0
Làm môi trường, cảnh quan sạch đẹp, trong lành hơn	84,7	15,3	100,0
Gắn kết cộng đồng	75,9	24,1	100,0
Góp phần bảo vệ rừng	50,3	49,7	100,0
Tạo việc làm, tăng thu nhập (hộ làm du lịch)	22,1	77,9	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát 730 hộ dân tại Đắk Nông năm 2024

ý với 84,7%. Tiếp theo là “Gắn kết cộng đồng” (75,9%); “Ảnh hưởng tốt đến sức khỏe cộng đồng” (73,6%); “Góp phần bảo vệ rừng” (50,3%); và “Tạo việc làm, tăng thu nhập (với hộ làm du lịch cộng đồng)” (22,1%). Như vậy, BVMT không chỉ quan trọng và có ý nghĩa làm cho môi trường, cảnh quan sạch, đẹp, trong lành hơn, mà còn là cơ sở để đánh giá sự gắn kết cộng đồng. Ngoài ra, BVMT góp phần bảo vệ rừng, tạo việc làm, tăng thu nhập và tác động tốt đến sức khỏe cộng đồng.

3.1.2. Sự quan tâm đến vấn đề BVMT

Để đánh giá giá trị BVMT trong đời sống của người DTTS, nghiên cứu tìm hiểu sự quan tâm của người DTTS về vấn đề BVMT. Số liệu Bảng 2 cho thấy, trong cuộc sống hiện nay, hầu hết người DTTS (91,9%) quan tâm đến BVMT, trong đó 87,8% cho rằng rất quan tâm; 4,2% cho rằng quan tâm đến vấn đề BVMT. Điều đó cho thấy, hiện nay vấn đề BVMT được nhiều người DTTS quan tâm và coi trọng. Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận không nhỏ người DTTS thờ ơ với BVMT. Sự thiếu quan tâm này vô hình chung ảnh hưởng đến sự suy thoái môi trường ở nông thôn hiện nay. Điều đáng nói, sự thờ ơ với BVMT phổ biến hơn ở nhóm hộ DTTS tại chỗ, học vấn thấp, các hộ nghèo, cận nghèo và ở các xã chưa đạt tiêu chí nông thôn mới về môi trường.

Xét theo các nhóm xã hội, không có sự khác biệt về giới tính, nhóm tuổi, học vấn và địa bàn khảo sát của

Bảng 2. Sự quan tâm của người dân tộc thiểu số về BVMT

Mức độ quan tâm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất quan tâm	640	87,7
Quan tâm	31	4,2
Không quan tâm	59	8,1
Tổng	730	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát 730 hộ dân tại Đắk Nông năm 2024

người trả lời về mức độ quan tâm đến vấn đề BVMT. Điều đó có nghĩa, sự quan tâm đến BVMT trong đời sống của người DTTS hiện nay là như nhau giữa nam và nữ, giữa người trẻ (từ 40 tuổi trở xuống) với trung niên (41-59 tuổi) và người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên), giữa người có học vấn cao và học vấn thấp, tại các địa bàn khảo sát.

Sở dĩ đa số người DTTS ngày nay quan tâm đến vấn đề BVMT, bên cạnh các giá trị của BVMT đem lại cho cuộc sống cá nhân, gia đình và cộng đồng, còn có lý do về thực trạng ô nhiễm môi trường hiện nay ở khu vực nông thôn. Quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn đã và đang đặt ra những thách thức đối với công tác BVMT nông thôn hiện nay. Đó là các vấn đề ô nhiễm môi trường diễn ra phổ biến như ô nhiễm nguồn nước thải sinh hoạt, ô nhiễm không khí và ô nhiễm nguồn đất. Phần lớn người DTTS trong mẫu khảo sát (88,9%) đánh giá môi trường ở địa phương hiện nay kém hơn so với 5 năm trước đây. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, đa số người DTTS (91,2%) có thái độ lo lắng đến vấn đề BVMT nơi địa phương mình sinh sống.

3.1.3. Nhận thức về ý nghĩa và sự cần thiết của sự liên kết, đoàn kết trong BVMT

Huy động sức mạnh cộng đồng, cụ thể là phát huy tính liên kết, đồng thuận, thống nhất, ủng hộ của DTTS và các tổ chức cộng đồng trong việc tham gia các hoạt động, phong trào cải thiện, BVMT là vấn đề đặt ra trong chương trình xây dựng nông thôn mới ở Đắk Nông hiện nay. Kết quả khảo sát cho thấy, người DTTS đánh giá cao sự liên kết, đoàn kết trong các hoạt động và phong trào BVMT tại địa phương. Hầu hết người DTTS đều đồng tình “sự liên kết, đồng thuận của cộng đồng trong BVMT là rất cần thiết” (97,9%). “BVMT cần có sự chung tay/cùng nhau của cả cộng đồng” (98,6%). Từ số liệu cho thấy, hầu hết người

Bảng 3. Nhận thức của người DTTS về ý nghĩa và sự cần thiết của sự liên kết, đoàn kết trong BVMT

Nhận định về sự liên kết, đoàn kết trong BVMT	Tỷ lệ đồng ý (%)
Sự liên kết, đồng thuận của cộng đồng trong BVMT là rất cần thiết	97,9
BVMT cần có sự chung tay/cùng nhau của cả cộng đồng	98,6
Các phong trào BVMT ở địa phương họ cần được thực hiện bởi sự đoàn kết/đồng lòng của các dân tộc	97,5
Cần thúc đẩy các hoạt động/phong trào BVMT ở địa phương thông qua sự liên kết cộng đồng	94,1
Tôi không thể tham gia các phong trào BVMT tốt nếu thiếu sự liên kết/đoàn kết với cộng đồng	97,4
Sự liên kết, đoàn kết của DTTS sẽ góp phần bảo vệ, cải thiện môi trường	96,6

Nguồn: Kết quả khảo sát 730 hộ dân tại Đắk Nông năm 2024

DTTS tại địa bàn khảo sát có nhận thức tích cực về sự đoàn kết trong tham gia các hoạt động, phong trào bảo vệ, cải thiện môi trường ở địa phương. Hầu hết người trả lời (97,5%) cũng cho rằng, các phong trào BVMT ở địa phương họ cần được thực hiện bởi sự đoàn kết/đồng lòng của các dân tộc. Có 94,1% DTTS đồng ý với nhận định “cần thúc đẩy các hoạt động/phong trào BVMT ở địa phương thông qua sự liên kết cộng đồng”. 97,4% DTTS cho rằng “tôi không thể tham gia các phong trào BVMT tốt nếu thiếu sự liên kết/đoàn kết với cộng đồng”. Về ý nghĩa của sự liên kết, đoàn kết, có 96,6% DTTS đồng tình rằng “sự liên kết, đoàn kết của DTTS sẽ góp phần bảo vệ, cải thiện môi trường” (Bảng 3).

Như vậy, hầu hết người DTTS có nhận thức tích cực về sự liên kết, đoàn kết trong tham gia các hoạt động, phong trào bảo vệ, cải thiện môi trường ở địa phương. Người DTTS ngày nay đặc biệt coi trọng ý nghĩa và sự cần thiết của sự liên kết, đoàn kết của cộng đồng trong BVMT. Quan niệm tích cực về BVMT có thể dẫn tới việc sẵn sàng theo đuổi các hành vi cùng tham gia xử lý, khắc phục ô nhiễm, cải thiện và BVMT trong cộng đồng DTTS hiện nay.

Bảng 4. Thái độ của người dân tộc thiểu số về BVMT

Thái độ	Đồng ý (Tỷ lệ %)	Không đồng ý (Tỷ lệ %)
Cần phải BVMT nước, không khí, đất	93,5	6,5
Trân trọng thiên nhiên là bảo vệ cuộc sống	95,7	4,3
Cần đối xử với thiên nhiên như những người thân trong gia đình	93,2	6,8
BVMT là trách nhiệm của mỗi người	97,7	2,3
Cần thúc đẩy các hoạt động/phong trào BVMT ở địa phương	94,1	5,9
Cần hưởng ứng tích cực các phong trào BVMT do cộng đồng dân cư/chính quyền phát động	98,9	1,1
Tôi sẽ không làm gì ảnh hưởng môi trường dù nó có thể mang lại cho tôi nhiều lợi ích	87,0	13,0

Nguồn: Kết quả khảo sát 730 hộ dân tại Đắk Nông năm 2024

“Trân trọng thiên nhiên là bảo vệ cuộc sống” và “cần đối xử với thiên nhiên như những người thân trong gia đình” là thái độ được sự đồng tình của hầu hết người DTTS (95,7% và 93,2%). 97,7% người DTTS trong mẫu khảo sát cho rằng “BVMT là trách nhiệm của mỗi người”. Như vậy, đa số DTTS ngày nay có thái độ coi trọng và xem thiên nhiên và BVMT như là trách nhiệm của bản thân. Điều đó cho thấy, thái độ tích cực tham gia các hoạt động/phong trào BVMT ở địa phương đã tồn tại và phổ biến trong cộng đồng nông thôn vùng DTTS ngày nay. Thái độ về BVMT như vậy là cơ sở quan trọng cho việc tích cực hưởng ứng và tham gia các hoạt động và phong trào BVMT của người vùng DTTS ngày nay.

3.2. Hành vi của người dân trong BVMT

Theo số liệu Bảng 5, hiện nay người DTTS có nhiều hoạt động tham gia cải thiện, BVMT ở địa phương. Trong đó, hoạt động cải thiện, BVMT thu hút hầu hết hộ dân là dọn dẹp, vệ sinh nhà cửa sạch đẹp (90,7%), chuồng trại chăn nuôi đảm bảo quy định môi trường (82,4%), mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định

(76%). Khoảng 2/3 hộ dân thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt hộ theo quy định. Khoảng một nửa hộ dân thu gom rác bao bì, chai, lọ thuốc bảo vệ thực vật và không vứt rác bừa bãi nơi công cộng (chợ, đường,...). Đây cũng là các tiêu chí mà Chương trình xây dựng nông thôn mới đề ra.

Để đạt được mục tiêu BVMT, người DTTS có nhiều hoạt động thiết thực. Đa số người DTTS (89,5%) tuân thủ các quy định về BVMT. Tham gia xử lý ô nhiễm môi trường cũng là hoạt động được nhiều người DTTS thực hiện (61%). Người DTTS cũng hướng tới BVMT thông qua việc nhắc nhở các thành viên gia đình tuân thủ các quy định về BVMT (62,7%). Khoảng một nửa người DTTS nhắc nhở, hướng dẫn hàng xóm tuân thủ các quy định về BVMT. Đặc biệt, người DTTS phê phán, tố cáo những người khác có hành vi gây hại môi trường (35,9%). Điều đó cũng khẳng định vai trò tham gia và giám sát của người DTTS trong các hoạt động BVMT. Hầu hết các hoạt động khắc phục/xử lý ô nhiễm môi trường của người DTTS thu hút sự tham gia nhiều hơn ở nhóm hộ dân có mức sống trung bình, nhóm DTTS di cư ở xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

Bảng 5. Tỷ lệ người DTTS tham gia các hoạt động tham gia cải thiện, BVMT

Các hoạt động cải thiện, BVMT	Tỷ lệ (%)	
	Tham gia	Không tham gia
Dọn dẹp, vệ sinh nhà cửa sạch đẹp	90,7	9,3
Thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định	65,8	34,2
Thu gom rác bao bì, chai, lọ thuốc bảo vệ thực vật	52,7	47,3
Không vứt rác bừa bãi nơi công cộng (chợ, đường,...)	54,9	45,1
Thu gom rác thải tại khu đông dân cư/chợ dân sinh,...	36,4	63,6
Hạn chế sử dụng túi ni lông trong sinh hoạt	42,7	57,3
Hạn chế sử dụng hóa chất nông nghiệp	36,4	63,6
Nước thải sinh hoạt được xử lý theo quy định môi trường	33,6	66,4
Dọn dẹp vệ sinh đường thôn/ngõ, khu dân cư,...	44,7	55,3
Vệ sinh, nạo vét, khai thông ao hồ, sông ngòi,... xã/thôn	33,3	66,7
Làm cỏ, trồng hoa/cây xanh ven đường thôn/bon	38,6	61,4
Phân loại chất thải rắn tại hộ gia đình	28,8	71,2
Áp dụng kỹ thuật sản xuất mới để BVMT	27,3	72,7
Sử dụng phân bón, thức ăn chăn nuôi đúng quy định	29,7	70,3
Bảo vệ rừng/trồng rừng	25,9	74,1
Chuồng trại chăn nuôi đảm bảo quy định môi trường	82,4	17,6
Nhà tiêu/nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh	40,5	59,5
Sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (nước sạch)	43,7	56,3
Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định	76,0	24,0

Nguồn: Kết quả khảo sát 730 hộ dân tại Đắk Nông năm 2024

Bảng 6. Tỷ lệ người DTTS tham gia các hoạt động khắc phục/xử lý ô nhiễm môi trường phân theo mức sống, dân tộc và xã nông thôn mới

Đơn vị: %

Các hoạt động khắc phục/xử lý ô nhiễm môi trường	Mức sống			Dân tộc		Xã NTM		Chung
	Nghèo, cận nghèo	Trung bình	Khá giả	DTTS tại chỗ	DTTS di cư	Xã NTM	Xã chưa NTM	
Tuân thủ các quy định về BVMT	88,8	91,0	74,0	83,7	91,5	88,5	90,4	89,5
Tham gia xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường	46,4	64,7	56,0	47,7	64,4	69,5	52,5	61,0
Nhắc nhở, hướng dẫn gia đình tuân thủ quy định về BVMT	47,2	66,8	56,0	45,3	71,0	74,2	51,4	62,7
Nhắc nhở, hướng dẫn hàng xóm tuân thủ quy định về BVMT	35,2	51,9	38,0	31,4	52,9	54,1	42,1	48,1
Phê phán, tố cáo người có hành vi gây hại môi trường	15,2	41,4	26,0	17,4	42,3	46,4	25,4	35,9

Nguồn: Kết quả khảo sát 730 hộ dân tại Đắk Nông năm 2024

Đáng chú ý, số liệu cho thấy tỷ lệ tuân thủ các quy định về BVMT ở hộ nghèo cao hơn đáng kể so với hộ khá giả (88,8% so với 74%). Điều này có thể là do các hoạt động sản xuất của hộ nghèo DTTS thường gắn liền với thiên nhiên hơn với công cụ canh tác thô sơ, ngoài ra, rác thải, chất thải sinh hoạt hàng ngày của hộ nghèo cũng thường ít hơn. Số liệu cũng phản ánh tỷ lệ người DTTS ở xã nông thôn mới ít tuân thủ các quy định về BVMT hơn so với người DTTS ở xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới (88,5% so với 90,4%), tuy nhiên sự khác biệt này hầu như không đáng kể và không có ý nghĩa thống kê (Bảng 6).

Xây dựng nông thôn thân thiện với môi trường là một trong 19 tiêu chí trong Chương trình xây dựng NTM hiện nay, nội dung này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sống của người dân nông thôn. Một trong những giải pháp triển khai các hoạt động BVMT trong xây dựng nông thôn mới là huy động nguồn lực, trong đó có sự đóng góp của người dân và cộng đồng. Kết quả khảo sát cho thấy, người DTTS có nhiều cách thức đóng góp cho việc cải thiện, BVMT, không chỉ là ngày công lao động, tiền bạc, đất đai, phương tiện, công cụ mà còn cả thông tin, góp ý kiến. Điều đó phản ánh tính đoàn kết, đồng thuận của cộng đồng trong các hoạt động, phong trào cải thiện BVMT, qua đó góp phần làm môi trường, cảnh quan địa phương sạch đẹp, công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm tốt hơn, ảnh hưởng tốt đến sức khỏe cộng đồng.

Mặc dù các hành vi gây hại môi trường được đa số người DTTS ít chấp nhận, tuy nhiên số liệu khảo sát cho thấy vẫn có những hành vi không tuân thủ các quy định về BVMT (10,5%). 9,3% người DTTS cho biết hộ gia đình họ không tham gia hoạt động dọn dẹp, vệ sinh nhà cửa sạch đẹp; 34,2% không thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt hộ theo quy định; 47,3% không thu gom rác bao bì, chai, lọ thuốc bảo vệ thực vật; 45,1% hộ vẫn có hành vi vứt rác bừa bãi nơi công cộng (chợ, đường, nhà sinh hoạt cộng đồng,...); 57,3% hộ có hành vi sử dụng túi ni lông trong sinh hoạt; 66,4% hộ có nước thải sinh hoạt không được xử lý theo quy định môi trường; 71,2% hộ không phân loại chất thải rắn tại hộ gia đình mình; 70,3% không sử dụng phân bón, thức ăn chăn nuôi đúng quy định; 73,2% chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo quy định môi trường; 59,5% hộ chưa có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 56,3% hộ chưa có nước sạch,... Đáng lưu ý, có tới 6,3% hộ gia đình không có đóng góp dưới bất kỳ hình thức nào cho các phong trào BVMT ở địa phương.

3.3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng môi trường nông thôn vùng dân tộc thiểu số

Thứ nhất, kết quả nghiên cứu cho thấy, vẫn còn một bộ phận người DTTS thờ ơ đối với việc BVMT mà một trong những lý do là do họ thiếu hiểu biết về môi trường và ý nghĩa của việc BVMT, do đó cần nâng cao nhận thức và ý thức về BVMT của một số bộ phận người dân trong cộng đồng. Các chính sách

nhằm nâng cao nhận thức của người dân về BVMT cần làm nổi bật lên được những giá trị mà người dân trực tiếp thụ hưởng, từ đó thúc đẩy sự tự nguyện sẵn sàng tham gia các hoạt động BVMT, đóng góp vật chất, ngày công, thông tin, ý tưởng cho các hoạt động BVMT nông thôn.

Thứ hai, thông qua truyền thông và vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng (già làng,...) tăng cường vận động, tuyên truyền để việc phân loại, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt hàng ngày, thu gom bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật của người dân đảm bảo đúng quy định, người dân không vứt rác bừa bãi nơi công cộng, hạn chế sử dụng túi ni lông, hóa chất nông nghiệp trong sinh hoạt và sản xuất.

Thứ ba, cần có các chính sách cụ thể, có tính khả thi cao cho công tác BVMT nhằm giảm thiểu các hành vi gây hại cho môi trường ngay từ đầu vào của quy trình sản xuất và đời sống sinh hoạt. Đó là các chính sách về nguyên liệu thân thiện môi trường, công nghệ sản xuất, chế biến không phát sinh chất thải độc hại vượt quá quy định về BVMT, các chính sách về thị trường chất thải (tận thu, xử lý, tái chế, tái sử dụng).

Thứ tư, cần có chính sách hỗ trợ về thông tin, kiến thức quản lý, BVMT cho đồng bào DTTS nhằm giúp họ có thể đưa ra những lựa chọn hành vi đúng đắn để bảo vệ và cải thiện môi trường. Theo đó, các chính sách về BVMT cần tạo điều kiện thuận lợi hơn trong tiếp cận tài liệu về BVMT của đồng bào DTTS. Đồng bào DTTS cần được dự các lớp nâng cao kiến thức và giáo dục pháp luật về BVMT. Họ cần được các chuyên gia môi trường tập huấn, hướng dẫn cách hành động để BVMT và giảm thiểu các tác động gây hại đối với môi trường. Bên cạnh đó, đồng bào DTTS cần được cung cấp hoặc bán các loại vật tư sản xuất đảm bảo môi trường.

Thứ năm, các chiến lược truyền thông và các giải pháp BVMT nông thôn vùng DTTS cần chú ý nhiều hơn tới nhóm hộ DTTS tại chỗ, học vấn thấp, các hộ nghèo, cận nghèo và ở các xã chưa đạt tiêu chí nông thôn mới về môi trường, bởi kết quả khảo sát cho thấy sự thờ ơ và việc thực hiện các hành vi gây bất

lợi đến môi trường sống phổ biến hơn ở các nhóm xã hội này.

Thứ sáu, cần phát huy các giá trị văn hóa cộng đồng, đặc biệt là sự liên kết, đoàn kết, đồng lòng của các cộng đồng tộc người thiểu số để thúc đẩy sự tích cực tham gia của họ vào các chương trình, chính sách, hoạt động, phong trào cải thiện, BVMT.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, BVMT là vấn đề được đa số người DTTS coi trọng và hướng tới. Vấn đề môi trường gắn với phát triển bền vững hiện nay là vấn đề được sự quan tâm của cộng đồng DTTS. Người dân vùng DTTS hiện nay nhận thức rõ hơn về các vấn đề về môi trường, từ đó có nhiều hành động ý nghĩa và thiết thực để BVMT nông thôn. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận người DTTS, đặc biệt là hộ nghèo, cận nghèo, học vấn thấp, ở xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới thờ ơ đối với BVMT mà một trong những lý do là họ thiếu hiểu biết về môi trường và ý nghĩa của việc BVMT. Sự thiếu quan tâm này có thể là yếu tố tác động đến sự suy thoái môi trường, ảnh hưởng chung đến cuộc sống cộng đồng. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn tồn tại các hành vi gây hại đến môi trường. Đây là các hành vi không được xã hội mong đợi về BVMT. Ở góc độ văn hóa, các hành vi gây hại đến môi trường của một số tộc người thiểu số là rào cản đối với sự phát triển bền vững về môi trường của khu vực nông thôn vùng DTTS. Điều đó cũng cho thấy việc cân bằng hợp lý giữa sinh hoạt và sản xuất với quan tâm đến vấn đề môi trường nông thôn vùng DTTS là một thách thức lớn hiện nay.

Nghiên cứu đã cho thấy một bức tranh khá rõ nét về nhận thức, thái độ và hành vi về BVMT của người dân nông thôn vùng DTTS. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng còn những hạn chế do dữ liệu thu được chỉ mới từ khảo sát 6 DTTS, được xem như nghiên cứu trường hợp, chưa phản ánh đầy đủ nhận thức, thái độ và hành vi về BVMT của các DTTS đang sinh sống ở tỉnh Đắk Nông cũng như của người DTTS Tây Nguyên. Do đó, cần có những nghiên cứu nhận thức, thái độ, hành vi của người DTTS ở phạm vi DTTS và địa bàn lớn hơn ở Tây Nguyên■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quốc hội (2020), Luật BVMT được Quốc hội ngày 4/12/2020.

- Sở TN&MT tỉnh Đắk Nông (2023), Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đắk Nông.
- UBND tỉnh Đắk Nông (2023), Báo cáo tổng kết xây dựng nông thôn mới năm 2023.